

DEVELOPING GLOBAL SKILLS FOR STUDENTS THROUGH OUTCOME-BASED EDUCATION APPROACH IN EXTRACURRICULAR PROGRAMS**Huynh Ngoc Thai Anh***College of Information & Communication Technology - Can Tho University*

ARTICLE INFO	ABSTRACT
Received: 22/02/2024	This study explores the effectiveness of the Outcome-Based Education approach in enhancing global skills among Vietnamese students through extracurricular programs. Utilizing a mixed-methods approach that includes surveys, in-depth interviews, and observer evaluations, the research collected data from 120 students at Can Tho University. Activities were designed based on the 4Cs model: Communication, Collaboration, Critical Thinking, and Creativity. Results indicate that after participating in the program, students demonstrated significant improvements in global skills, particularly in intercultural communication and critical thinking. The study concludes that integrating interactive activities based on Outcome-Based Education approach into extracurricular programs is an effective method to prepare the workforce for the global market while encouraging the expansion of skill development opportunities for students through extracurricular activities.
Revised: 31/3/2024	
Published: 31/3/2024	
KEYWORDS	
Outcome-based education	
Global skill development	
Extracurricular programs	
Intercultural communication	
Critical thinking	

PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG TOÀN CẦU CHO SINH VIÊN THÔNG QUA PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC DỰA TRÊN KẾT QUẢ ĐẦU RA TRONG CHƯƠNG TRÌNH NGOẠI KHÓA**Huỳnh Ngọc Thái Anh***Trường Công nghệ thông tin và Truyền thông - Trường Đại học Cần Thơ*

THÔNG TIN BÀI BÁO	TÓM TẮT
Ngày nhận bài: 22/02/2024	Nghiên cứu này khám phá hiệu quả của phương pháp giáo dục dựa trên kết quả đầu ra trong việc nâng cao kỹ năng toàn cầu cho sinh viên Việt Nam qua chương trình ngoại khóa. Sử dụng một phương pháp kết hợp định lượng và định tính bao gồm khảo sát, phỏng vấn sâu và đánh giá từ quan sát viên, nghiên cứu đã thu thập dữ liệu từ 120 sinh viên tại Trường Đại học Cần Thơ. Các hoạt động được thiết kế dựa trên mô hình 4C: Giao tiếp, Hợp tác, Tư duy phản biện, Sáng tạo. Kết quả cho thấy rằng, sau khi tham gia chương trình, sinh viên đã thể hiện được sự cải thiện rõ rệt trong các kỹ năng toàn cầu, đặc biệt là giao tiếp liên văn hóa và tư duy phản biện. Nghiên cứu kết luận rằng việc tích hợp các hoạt động tương tác dựa trên phương pháp giáo dục dựa trên kết quả đầu ra vào chương trình ngoại khóa đem lại hiệu quả để chuẩn bị lực lượng lao động sẵn sàng cho thị trường toàn cầu, đồng thời khuyến khích việc mở rộng cơ hội phát triển kỹ năng cho sinh viên thông qua các hoạt động ngoại khóa.
Ngày hoàn thiện: 31/3/2024	
Ngày đăng: 31/3/2024	
TỪ KHÓA	
Phương pháp giáo dục dựa trên kết quả đầu ra	
Phát triển kỹ năng toàn cầu	
Chương trình ngoại khóa	
Giao tiếp liên văn hoá	
Tư duy phản biện	

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.9747>Email: hntanh@ctu.edu.vn

1. Giới thiệu

Trong bối cảnh toàn cầu hóa, kỹ năng toàn cầu (Global Skills) trở nên quan trọng không chỉ cho sự thành công cá nhân mà còn cho phát triển kinh tế và xã hội. Khái niệm kỹ năng toàn cầu theo Bourn [1] bao gồm một loạt các khả năng cần thiết cho sinh viên tốt nghiệp và làm việc trong các công ty cũng như sự tham gia giải quyết các vấn đề trong xã hội. Mục đích phát triển các kỹ năng này chính là giải quyết các thách thức toàn cầu và tận dụng cơ hội từ mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hợp Quốc [1]. Kỹ năng toàn cầu còn được định nghĩa nhiều cách, từ "kỹ năng mềm" đến "kỹ năng sống", nhưng có bốn yếu tố nhất quán là: **Sự hợp tác, tư duy phản biện, sự sáng tạo, và kỹ năng giao tiếp**, được biết đến là bộ kỹ năng 4C [2]. Bốn khả năng cần thiết được xây dựng trên nền tảng 4C bao gồm:

1. *Giao tiếp liên văn hóa*: Khả năng giao tiếp hiệu quả với người từ nền văn hóa khác nhau, vượt qua rào cản ngôn ngữ và văn hóa để tạo mối quan hệ tích cực [3].

2. *Nhận thức toàn cầu*: Khả năng nhận biết và hiểu các vấn đề toàn cầu như biến đổi khí hậu, kinh tế toàn cầu, và vấn đề xã hội, cũng như cách thức chúng ảnh hưởng đến cộng đồng địa phương và toàn cầu [4].

3. *Khả năng phản biện*: Tư duy phản biện trong bối cảnh toàn cầu, bao gồm khả năng đánh giá, phân tích, và suy nghĩ một cách hợp lý về thông tin và vấn đề toàn cầu, giải quyết các thách thức một cách sáng tạo và áp dụng tốt tư duy phản biện [5],[6].

4. *Thích ứng và linh hoạt*: Khả năng thích nghi và linh hoạt trong môi trường mới, đặc biệt trong bối cảnh quốc tế, đòi hỏi sự mở lòng với cái mới và khả năng điều chỉnh hành vi và quan điểm để phù hợp với các môi trường văn hóa khác nhau [7].

Kỹ năng toàn cầu không chỉ là công cụ cho sự thành công cá nhân mà còn là nền tảng cho sự phát triển bền vững và toàn diện trong thế giới ngày nay.

Mục tiêu của nghiên cứu này nhằm xác định vai trò và tiềm năng của phương pháp giáo dục dựa trên kết quả đầu ra đồng thời xây dựng một quy trình triển khai phù hợp cho việc nâng cao kỹ năng toàn cầu cho sinh viên thông qua một chuỗi hoạt động ngoại khóa. Các hoạt động này được lồng ghép trong chương trình tập huấn cán bộ Đoàn cho sinh viên trường Đại học Cần Thơ và được giới thiệu trong Hình 1.



Hình 1. Các hoạt động tập huấn nâng cao kỹ năng toàn cầu của sinh viên trường Đại học Cần Thơ

1.1. Vai trò quan trọng của các kỹ năng toàn cầu

Kỹ năng toàn cầu ngày càng quan trọng trong nhiều lĩnh vực không chỉ trong môi trường làm việc quốc tế, các vai trò bao gồm:

1. *Phát triển năng lực lãnh đạo toàn cầu*: Kỹ năng này thiết yếu để có thể làm việc, điều phối và tổ chức hiệu quả công việc với người có yếu tố văn hóa và giá trị khác biệt [8].

2. *Tăng cường kỹ năng giao tiếp và phân tích*: Kỹ năng này giúp sinh viên phát triển khả năng giao tiếp liên văn hóa và thảo luận để đưa ra các cách giải quyết vấn đề phức tạp trong môi trường toàn cầu [9].

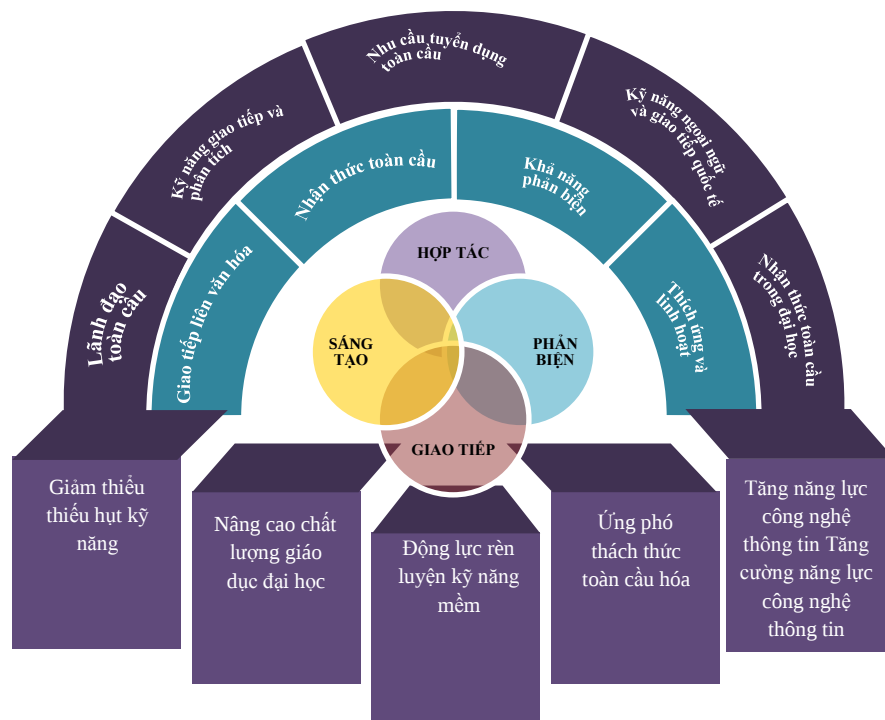
3. *Đáp ứng nhu cầu của nhà tuyển dụng toàn cầu*: Việc làm hiện đại ngày càng yêu cầu năng lực làm việc toàn cầu, làm cho kỹ năng toàn cầu trở nên cần thiết cho nhà tuyển dụng, quản lý và cả nhân viên [10].

4. *Nâng cao kỹ năng ngoại ngữ và giao tiếp quốc tế*: Đây là yếu tố cơ bản và quan trọng cho kỹ sư và chuyên gia trong kỷ nguyên toàn cầu hóa [11].

5. *Tăng cường nhận thức toàn cầu trong giáo dục đại học*: Việc triển khai kỹ năng toàn cầu giúp sinh viên hiểu biết và chuẩn bị tốt các kỹ năng mềm cần thiết cho bản thân, từ đó xây dựng lộ trình phấn đấu cần phải đạt được trước khi ra trường [12].

Các kỹ năng này góp phần xây dựng cho sinh viên một tâm thế chủ động học tập về kiến thức cũng như rèn luyện các kỹ năng để có thể đáp ứng theo từng môi trường làm việc cụ thể trong tương lai. Trong các vai trò này thì nhóm tác giả đánh giá rằng vấn đề tăng cường nhận thức toàn cầu trong môi trường đại học chính là yếu tố then chốt trong việc phát triển các yếu tố còn lại. Mối quan hệ giữa vai trò của kỹ năng toàn cầu và sự tác động của chúng được trình bày ở Hình 2, trong đó mô hình 4C chính là cốt lõi chính tạo nên các tác động

1.2. Ảnh hưởng của các kỹ năng toàn cầu đến thanh niên Việt Nam



Hình 2. Mô hình kỹ năng 4C và các tác động

Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đoàn khóa XI [13] đã khẳng định nguồn sức mạnh to lớn của thanh niên Việt Nam trong bối cảnh chuyển đổi số, chính vì vậy mà kỹ năng toàn cầu trở thành yêu cầu thiết yếu cho thanh niên Việt Nam. Những kỹ năng cần thiết được cụ thể hoá từ 4C giúp thanh niên Việt Nam phát triển toàn diện và sẵn sàng cho các cơ hội và thách thức trong thế kỷ XXI bao gồm:

1. *Giảm thiểu thiếu hụt kỹ năng*: Phát triển kỹ năng toàn cầu giúp giảm thiểu thiếu hụt kỹ năng trong lực lượng lao động, tăng cường các kỹ năng mềm và cải thiện sự tham gia của người trẻ vào thị trường lao động [14].

2. *Nâng cao chất lượng giáo dục đại học*: Được trang bị kỹ năng toàn cầu giúp học sinh, sinh viên chủ động hơn trong học tập và chuẩn bị tốt hơn cho công việc và cuộc sống. Từ đó nhà trường sẽ có cơ sở để nâng cao chất lượng giáo dục [15].

3. *Động lực rèn luyện kỹ năng mềm nền tảng*: Kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, tranh biện v.v. là nền tảng quan trọng cho việc tiếp thu kỹ năng toàn cầu [16].

4. *Ứng phó với thách thức toàn cầu hóa*: Có được các kỹ năng toàn cầu giúp thanh niên Việt Nam chủ động ứng phó hiệu quả với thách thức từ môi trường cạnh tranh quốc tế. Đóng góp này tạo nên nguồn nhân lực chất lượng cao cho Việt Nam [17].

5. *Tăng cường năng lực công nghệ thông tin*: Kỹ năng công nghệ thông tin và kỹ thuật số là cần thiết trong Cách mạng Công nghiệp 4.0, giúp thanh niên đáp ứng nhu cầu thị trường lao động toàn cầu đang được số hoá [18].

2. Phương pháp nghiên cứu

2.1. Mô tả nghiên cứu

Để đánh giá hiệu quả của mô hình phát triển kỹ năng toàn cầu, nhóm nghiên cứu đã thực hiện khảo sát nhu cầu trước chương trình, lên kế hoạch triển khai lồng ghép phương pháp giáo dục dựa trên kết quả đầu ra (OBE), xây dựng tiêu chí và phương pháp đánh giá. Một chuỗi chương trình tập huấn ngoại khoá trong 2 tuần với 10 hoạt động tương tác đã được triển khai. Sinh viên tham gia được yêu cầu đánh giá sự thay đổi kỹ năng của mình trước và sau chương trình, kết quả tự đánh giá sẽ được đối chiếu với kết quả phỏng vấn sâu và kết quả của các quan sát viên. Các kết quả được phân tích để xác định tác động của chương trình.

2.2. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu gồm 120 sinh viên từ 17 đến 25 tuổi tại trường Công nghệ thông tin và Truyền thông - Trường Đại học Cần Thơ. Các sinh viên thuộc 3 niên khoá tình nguyện tham gia sau khi biết về mục tiêu rèn luyện kỹ năng toàn cầu và chủ đề của chương trình. Các sinh viên này đến từ 11 tỉnh thuộc Đồng bằng sông Cửu Long là: Tiền Giang, Bến Tre, Vĩnh Long, Trà Vinh, Hậu Giang, Sóc Trăng, Đồng Tháp, An Giang, Kiên Giang, Bạc Liêu và Cà Mau.

2.3. Phương pháp lồng ghép bằng phương pháp giáo dục dựa trên kết quả đầu ra

Phương pháp OBE được áp dụng trong nghiên cứu này nhằm tập trung vào việc xác định và đạt được các mục tiêu đầu ra cụ thể cho sinh viên. William G. Spady đã phát triển OBE trong những năm 90 với mục tiêu chuyển trọng tâm từ nội dung giảng dạy sang kỹ năng và năng lực cần phát triển của sinh viên. Phương pháp này nhấn mạnh việc đánh giá và cải thiện chất lượng giáo dục qua kỹ năng và kiến thức của sinh viên, điều này đặc biệt hữu ích trong việc đảm bảo sinh viên phát triển các kỹ năng cần thiết để thành công trong tương lai [19]. Các mục tiêu đầu ra được phân tích thành các chuẩn đầu ra "Course Outcomes" (CO), đây là các mục tiêu bắt đầu bằng động từ chủ động và có thể đánh giá được. Phương pháp OBE sử dụng các công cụ đánh giá như:

1. Đánh giá kỹ năng và kiến thức qua các dự án và bài kiểm tra thực hành.
2. Phản hồi từ nhà tuyển dụng và cựu sinh viên.
3. Khảo sát và đánh giá tự đánh giá của sinh viên và giảng viên.
4. Theo dõi tiến triển và thành tích sinh viên qua các kỳ kiểm tra và hoạt động khác.
5. Tổ chức hội thảo và thảo luận nhóm.
6. Phân tích xu hướng và nhu cầu thị trường lao động.

Đối với kỹ năng như sự hợp tác, tư duy phản biện, sáng tạo và kỹ năng giao tiếp, việc đánh giá mục tiêu đầu ra tập trung vào kiểm tra mức độ hiểu biết và áp dụng trong tình huống thực tế, thông qua các dự án nhóm và hoạt động tương tác trong chương trình.

3. Kết quả và bàn luận

3.1. Xây dựng chương trình tập huấn

Chương trình tập huấn của cán bộ Đoàn thanh niên trường Công nghệ thông tin và Truyền thông - Trường Đại học Cần Thơ được xây dựng với khung thời gian là các buổi tối trong tuần và hoạt động ngoài trời vào cuối tuần nhằm đảm bảo sinh viên tham gia thoải mái nhất. Mục tiêu chính được xác định là nâng cao các kỹ năng mềm thông qua một loạt hoạt động phù hợp với sở thích của sinh viên. Các nội dung hoạt động tập huấn kỹ năng được lồng ghép vào một chủ đề chung thu hút sinh viên. Với khảo sát trước chương trình của nhóm nghiên cứu thì những tên chủ đề mới mẻ sáng tạo, mang các yếu tố văn hoá đại chúng sẽ dễ thu hút được sự quan tâm của học viên.

Bám sát theo mô hình 4C, các hoạt động được thiết kế để đảm bảo sự vui vẻ, vận động và kích thích tương tác đa giác quan nhằm khơi gợi tối đa sự sáng tạo của học viên. Các hoạt động bao gồm: các trò chơi giải đố, trò chơi vận động, hội thảo, thi biểu diễn văn nghệ, nhảy dân vũ, trò chơi lớn, và các hoạt động tương tự. Đối với các hoạt động lý thuyết mà sinh viên cảm thấy nhàm chán, phương pháp tổ chức đã được thay đổi để tăng sự hấp dẫn, ví dụ như chuyển từ phương pháp người trình bày trở thành học viên tự nghiên cứu tài liệu trước và tổ chức cuộc thi Rung chuông vàng để học viên ôn tập kiến thức.

Để đảm bảo yếu tố hợp tác và giao tiếp, các học viên được chia thành 4 tổ lớn để tham gia cùng nhau trong suốt chương trình. Đặc biệt, trong một số hoạt động, sinh viên cần phối hợp với thành viên của các tổ khác để đạt được mục tiêu chung của trò chơi. Trong chương trình này, các tổ học viên được hướng dẫn học về phương pháp Design Thinking để thiết kế một dự án sáng tạo. Một hoạt động tranh biện được tổ chức sau đó để các học viên có thể tham gia phản biện các sáng kiến của các tổ khác và đưa ra các sáng kiến tối ưu hoá cho các vấn đề vừa phát hiện.

Thành viên dự án tham gia với vai trò là thành viên ban tổ chức, chịu trách nhiệm xây dựng kịch bản chương trình và nội dung tích hợp. Trước chương trình, một khóa tập huấn phương pháp được tổ chức để giúp các thành viên ban tổ chức hiểu rõ mục tiêu và phương thức triển khai. Để đánh giá chương trình thì 10 quan sát viên được tuyển chọn, mỗi người quan sát và đánh giá một nhóm gồm 12 thành viên trong một tổ. Học viên tham gia sẽ biết về mục tiêu và lịch trình của chương trình nhưng không biết cụ thể về kỹ năng nào được lồng ghép trong hoạt động nào cũng sự hiện diện của các quan sát viên. Việc thiết kế này nhằm đem lại sự thoải mái cho người học và đảm bảo tính khách quan khi khảo sát.

3.2. Phương pháp lồng ghép các kỹ năng vào hoạt động

Bảng 1. 17 mục tiêu đầu ra được xây dựng dựa trên các kỹ năng 4C kèm theo các kỹ năng hỗ trợ

Hợp tác	CO1	Phối hợp	Phối hợp làm việc cùng nhóm để đạt mục tiêu chung.
	CO2	Điều phối	Điều phối phân chia nhiệm vụ và hoạt động nhóm.
	CO3	Hỗ trợ	Cung cấp sự hỗ trợ và động viên cho các thành viên nhóm.
	CO4	Giải quyết	Giải quyết xung đột và mâu thuẫn trong nhóm.
Phản biện	CO5	Phân tích	Phân tích thông tin từ nhiều nguồn để đưa ra kết luận.
	CO6	Đánh giá	Đánh giá tính hợp lý và hợp lệ của ý kiến.
	CO7	Lập luận	Lập luận phát triển và trình bày luận điểm mạch lạc và logic.
Sự sáng tạo	CO8	Phát minh	Phát minh tạo ra ý tưởng mới và giải pháp sáng tạo.
	CO9	Đổi mới	Đổi mới thực hiện cải tiến trong dự án và quy trình.
	CO10	Khám phá	Khám phá áp dụng công nghệ mới trong dự án sáng tạo.
Giao tiếp	CO11	Trình bày	Trình bày, truyền đạt thông tin rõ ràng và hiệu quả.
	CO12	Lắng nghe	Lắng nghe, hiểu thông tin từ người trong và ngoài nhóm.
	CO13	Thương lượng	Thương lượng, đạt được sự đồng thuận và khác biệt ý kiến.
Các kỹ năng hỗ trợ	CO14	Tương tác	Tương tác hiệu quả trong môi trường đa văn hóa và ngôn ngữ.
	CO15	Sử dụng công cụ hiệu quả	Sáng tạo dữ liệu, sử dụng công cụ phân tích dữ liệu để tạo ra thông tin hữu ích và sáng tạo.
	CO16	Quản lý thời gian	Quản lý thời gian và ưu tiên công việc một cách hiệu quả.
	CO17	Tự học	Tự học và cập nhật kiến thức liên tục trong chuyên môn.

Đầu chương trình, các kỹ năng mục tiêu sẽ được nhóm nghiên cứu phân tích và tách thành các mục tiêu đầu ra CO cụ thể được trình bày ở Bảng 1.

Tiếp theo, các mục tiêu đầu ra này được xác định theo từng mục tiêu trong các hoạt động được diễn ra, phần yêu cầu triển khai đi kèm với kế hoạch chi tiết của từng hoạt động cũng được xác định để ban tổ chức lưu ý thực hiện như ở Bảng 2. Mục tiêu của ban tổ chức là cân đối và đảm bảo 17 mục tiêu đầu ra này phải được lồng ghép ít nhất 1 lần trong một hoạt động thuộc chương trình.

Ma trận mục tiêu đầu ra sẽ được lập nên (Bảng 3). Ma trận này gồm các cột là 17 mục tiêu đầu ra và các dòng là các hoạt động. Các ô sẽ thể hiện mức độ mong muốn đạt được trên từng mục tiêu đầu ra theo 5 cấp độ lần lượt từ cao đến thấp là: cấp S - Tạo; cấp A - Phân tích; Cấp B - Áp dụng; cấp C - Hiểu và cấp D - Nhận biết. Ma trận này dùng cho xây dựng các nội dung, hoạt động lồng ghép và đánh giá.

Bảng 2. Các phân phân tích mục tiêu đầu ra trong 6 hoạt động chính của chương trình

Hoạt động	Mô tả mục tiêu	CO	Yêu cầu triển khai
Tư duy thiết kế	Tăng cường kỹ năng sáng tạo sản phẩm khoa học	CO5, CO6, CO8,	Hướng dẫn từ chuyên gia, thực hành nhóm
Triển khai nghị quyết	Phát triển hiểu biết về lịch sử và vai trò của tổ chức	CO2, CO10, CO15	Thảo luận nhóm, học từ lịch sử
Workshop tiếng Anh	Tăng cường kỹ năng ngôn ngữ và giao tiếp quốc tế	CO12, CO11, CO17, CO14	Thảo luận nhóm và tìm hiểu văn hoá đa quốc gia
Thi dân vũ	Tăng cường kỹ năng vận động	CO1, CO2, CO3	Sinh viên sáng tạo nội dung
Thi tranh biện	Phát triển kỹ năng phân tích và trình bày quan điểm	CO7, CO13, CO4	Chuẩn bị đề tài, hướng dẫn tranh biện
Trò chơi lớn	Phát triển kỹ năng làm việc nhóm và giải quyết vấn đề	CO16, CO11, CO9	Vận dụng các khả năng tư duy và phân tích

Bảng 3. Ma trận mục tiêu đầu ra của chương trình

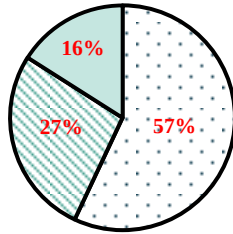
Các mục tiêu đầu ra	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17
Tư duy thiết kế	B	B	B	B	A	A	A	A	A	A	A	B	A	B	A	B	
Nghị quyết Đoàn					A	A	A		D		A	A					A
Workshop tiếng Anh		D			A	A	B				B	A		A	A		B
Thi dân vũ	B	B	B	C	B	B			A	A	C		B		D	C	B
Thi tranh biện	B	B	B	B	A	A	A	C	C	C	A	A	B	B	A	B	
Trò chơi lớn	B	B	B	C	C	B				D	B	B	B	B		A	

Cuối quá trình triển khai, các sinh viên được mời thực hiện khảo sát đánh giá, kết quả của các sinh viên được so sánh với khảo sát trước đó của họ để chỉ ra được sự tiến bộ. Kết quả đạt được do sinh viên đánh giá được đối chiếu với kết quả của các quan sát viên, đồng thời các cuộc phỏng vấn sâu cũng được thực hiện thông qua hình thức chia sẻ góp ý, đánh giá về chương trình. Thông qua các kết quả này, ban tổ chức sẽ đánh giá được kết quả đạt được của chương trình.

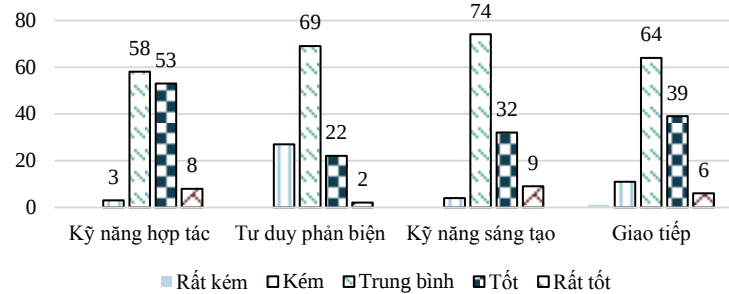
3.3. Kết quả thực hiện

120 học viên được mời làm khảo sát tự đánh giá về các kỹ năng của bản thân vào trước khi chương trình tập huấn bắt đầu. Số lượng học viên chiếm tỉ lệ cao nhất ở năm nhất và giảm dần ở năm 2 và năm 3, không có sinh viên năm 4 tham gia chương trình (Hình 3a). Thông qua phỏng vấn sâu 30 học viên thì nguyên nhân được xác định là sinh viên năm nhất có xu hướng tập trung nhiều trong phát triển kỹ năng mềm. Qua các năm học thì sinh viên có xu hướng tập trung về kỹ năng chuyên môn và hạn chế tham gia các hoạt động kỹ năng. Trong số học viên thì có 52,5% sinh viên đã từng nghe về kỹ năng toàn cầu. Trên tổng số các bình chọn, các học viên điều đánh giá tất cả kỹ năng 4C quan trọng và cần thiết: kỹ năng hợp tác là quan trọng nhất với 82%; tư duy phản biện chiếm 80,3%, kỹ năng giao tiếp chiếm 77% và kỹ năng sáng tạo chiếm 72,1%. Sơ đồ tại Hình 3(b) thể hiện mức độ tự đánh giá của học viên trước khi tham gia. Thống kê cho thấy rằng hầu hết sinh viên đều đánh giá 4 kỹ năng của mình ở mức trung bình, với mức trung bình đạt 48,36%; tốt đạt 28,69%; rất tốt chỉ đạt 9,02%; kém ở mức 12,3% và 3,28% ở mức rất kém. Đặc biệt, kỹ năng hợp

tác và giao tiếp thì nhiều học viên tự tin ở mức tốt, theo đánh giá của các quan sát viên thì các sinh viên tự đánh giá ở mức tốt cũng là những sinh viên thường xuyên tham gia các hoạt động của trường và cũng có những thể hiện nổi trội hơn trong các hoạt động của chương trình.



■ Năm 1 ■ Năm 2 ■ Năm 3

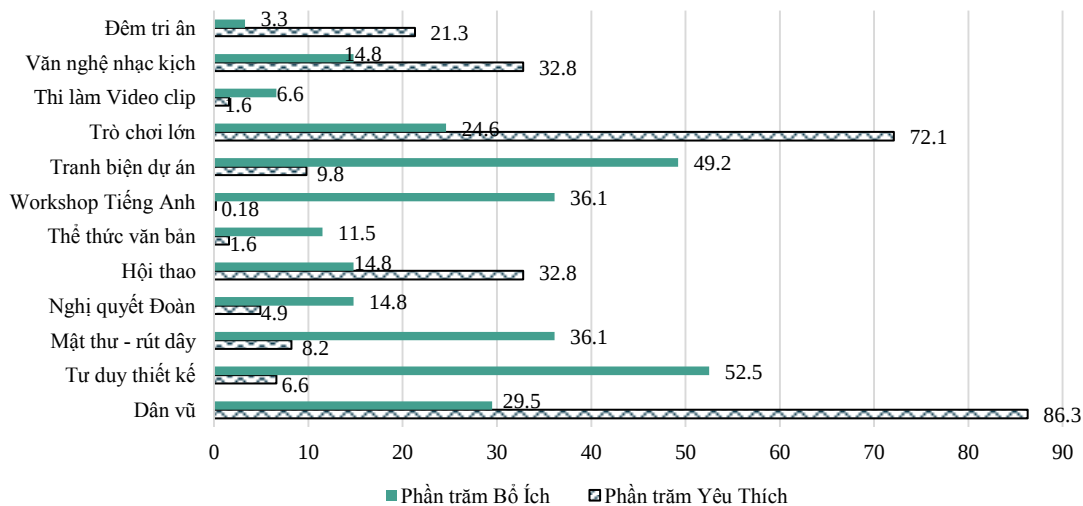


(a)

(b)

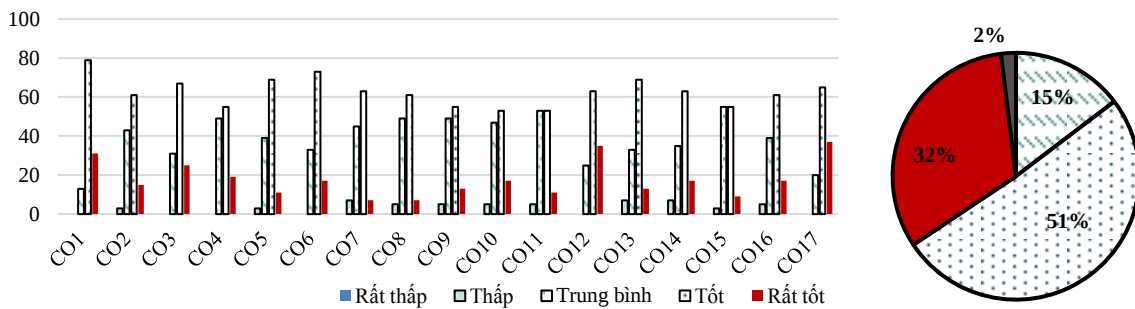
Hình 3. Sơ đồ thể hiện tỷ lệ tham gia của sinh viên theo niên khoá (a) và Sơ đồ mức độ tự đánh giá kỹ năng của học viên trước khi tham gia chương trình (b)

Sau khi chuỗi tập huấn kết thúc, các học viên được yêu cầu thực hiện các khảo sát để đánh giá về các hoạt động được tổ chức. Học viên được yêu cầu bình chọn hoạt động mà họ cảm thấy *yêu thích nhất* và hoạt động mà họ *cảm thấy bổ ích nhất*. Mục đích của khảo sát này là xác định loại hoạt động và phương pháp kết hợp nào thu hút được sinh viên tham gia nhất. Kết quả khảo sát được trình bày ở Hình 4. Các hoạt động được sinh viên yêu thích là các hoạt động có sự tương tác cao giữa các thành viên hoặc có các yếu tố âm nhạc, giải trí và vận động. Các hoạt động được sinh viên cảm thấy bổ ích là nhóm cung cấp được kiến thức mới và sinh viên được phản biện với nhau nhiều trong quá trình tìm hiểu kiến thức.



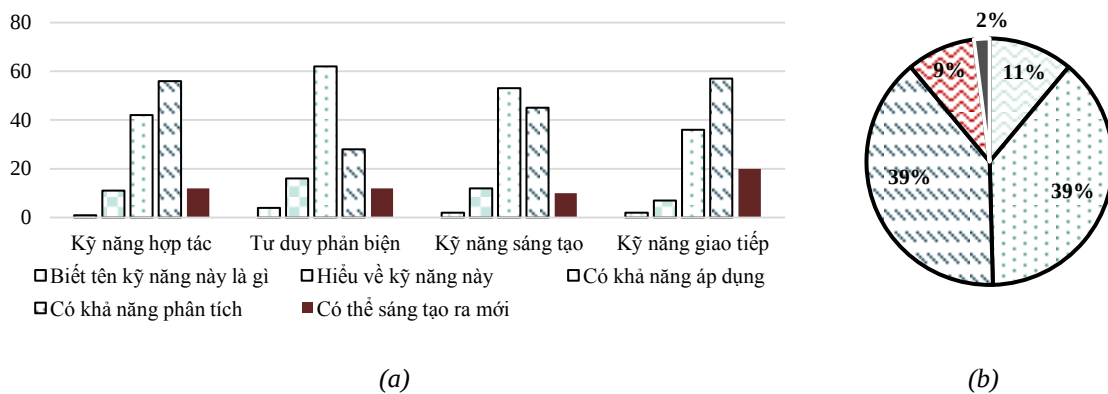
Hình 4. Khảo sát về các hoạt động

Với 17 tiêu chí của mục tiêu đầu ra, các sinh viên được yêu cầu tự đánh giá khả năng của mình đã đạt được sau chương trình ở 5 mức độ từ rất thấp đến rất tốt. Kết quả khảo sát được trình bày ở Hình 5 cho thấy rằng phần lớn sinh viên đánh giá đã đạt được kỹ năng ở mức tốt (51%) và 32% đạt mức rất tốt. Kết quả từ quan sát viên cũng thấy được rằng các sinh viên đã chủ động hơn sau khi tham gia tập huấn. Điều này cho thấy các hoạt động kỹ năng lồng ghép đã thể hiện được tính hiệu quả trong suốt chuỗi chương trình.



Hình 5. Đánh giá của học viên về kỹ năng đạt được theo thang đo mục tiêu đầu ra

Để đánh giá về mức độ kỹ năng của sinh viên với kỹ năng 4C sau khi tham gia chương trình, sinh viên được yêu cầu tự đánh giá ở 5 cấp độ cụ thể từ thấp nhất đến cao nhất là: **Cấp 1** - Đã biết về kỹ năng; **Cấp 2** - Hiểu rõ về kỹ năng; **Cấp 3** - Có khả năng áp dụng; **Cấp 4** - Có khả năng áp dụng để phân tích trong các tình huống cụ thể và cao nhất là **Cấp 5** - Có khả năng sáng tạo ra các phương pháp tổ chức, triển khai, vận dụng mới trong các trường hợp cụ thể. Kết quả thể hiện ở Hình 6(b) cho thấy có sự thay đổi rõ rệt về sự tự tin của học viên về các kỹ năng mà mình đã đạt được. So với đánh giá ban đầu thì mức tốt đã tăng. Kết quả quan sát từ các quan sát viên cũng khẳng định được rằng các học viên đã vận dụng tốt bộ kỹ năng 4C trong suốt quá trình tập huấn.



Hình 6. Đánh giá đạt được học viên ở mỗi kỹ năng 4C (a) và mức độ trung bình của 4 kỹ năng (b)

4. Kết luận

Nghiên cứu hiện tại đã phân tích và tổ chức một chuỗi hoạt động thực tế để kiểm tra, chứng minh sự hiệu quả của việc áp dụng các hoạt động tương tác trong chương trình ngoại khóa nhằm phát triển kỹ năng toàn cầu cho thanh niên Việt Nam. Thông qua phương pháp giáo dục dựa trên kết quả đầu ra và các hoạt động được thiết kế dựa trên mô hình 4C, sinh viên đã cải thiện rõ rệt trong các kỹ năng như giao tiếp liên văn hóa, nhận thức toàn cầu, khả năng phản biện, và thích ứng linh hoạt. Nhóm nghiên cứu cũng phát hiện ra rằng kỹ năng triển khai các hoạt động của người điều phối cũng là nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến không khí của buổi học và có thể kích thích cũng như hạn chế các kỹ năng của sinh viên. Kết quả của nghiên cứu này cũng mở ra nhiều hướng phát triển tiềm năng trong tương lai có thể kể đến như là:

1. **Phát triển các hệ thống quản lý:** Tạo ra một nền tảng trực tuyến để quản lý và thực hiện các hoạt động tập huấn. Hệ thống sẽ cho phép ban tổ chức cập nhật lịch trình và các tài liệu và cho sinh viên thực hiện các đánh giá phản hồi, tương tác trong và sau quá trình tập huấn. Hệ thống mở ra các hội thảo trực tuyến cho phép học viên từ các vùng khác nhau của Việt Nam cũng như quốc tế tham gia, qua đó mở rộng tác động và tăng cơ hội học hỏi đa văn hoá.

2. **Tích hợp đa ngôn ngữ:** Mở rộng chương trình bằng cách tích hợp đa ngôn ngữ vào các hoạt động tập huấn, không chỉ tiếng Anh mà còn các ngôn ngữ phổ biến khác như Pháp, Trung Quốc, và Nhật Bản, để nâng cao khả năng giao tiếp quốc tế của sinh viên.

3. *Kết nối với doanh nghiệp*: Hợp tác với các doanh nghiệp và tổ chức quốc tế để cung cấp cho sinh viên cơ hội tiếp cận doanh nghiệp cũng như thực tập và tham gia các dự án thực tế, qua đó cải thiện kỹ năng toàn cầu trong môi trường làm việc thực tế.

4. *Mở rộng phạm vi nghiên cứu*: Thực hiện các nghiên cứu tương tự ở các trường đại học và tổ chức khác trong và ngoài Việt Nam để so sánh và tối ưu hóa mô hình phát triển kỹ năng toàn cầu.

5. *Phát triển chương trình huấn luyện giáo viên*: Tạo ra các khóa huấn luyện cho giáo viên và cố vấn về cách thức tích hợp và triển khai hiệu quả mô hình OBE và các kỹ năng toàn cầu trong giảng dạy và hoạt động ngoại khóa.

Phát triển kỹ năng toàn cầu thông qua các hoạt động tương tác trong chương trình ngoại khóa là một hướng tiếp cận quan trọng và cần thiết trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay. Việc mở rộng và tối ưu hóa chương trình này không chỉ giúp sinh viên Việt Nam nâng cao kỹ năng của bản thân mà còn góp phần vào sự phát triển của cộng đồng và xã hội. Để đạt được điều này, cần có sự hợp tác chặt chẽ giữa các trường đại học, tổ chức giáo dục, doanh nghiệp và cộng đồng quốc tế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] D. Bourn, "Understanding Global Skills for 21st Century Professions," in *Debates on Global Skills*, Springer, 2018, pp. 87-109.
- [2] C. Mazzola, "To what extent does education prepare students for the 21st century to become self-regulated, future-proofed students, using networked, technological environments," 2020. [Online]. Available: https://www.researchgate.net/publication/341792689_To_what_extent_does_education_prepare_students_for_the_21st_century_to_become_self-regulated_future-proofed_students_using_networked_technological_environments. [Accessed Dec. 11, 2023].
- [3] D. Jenkins, "Global Leadership: Educating Global Leaders through Leadership Studies," *Journal of Leadership Studies*, vol. 6, no. 3, pp. 88-98, 2012.
- [4] M. Sellars, M. F. Acosta, and J. T. Chachamovich, "Conversations About Critical Thinking: Can Academic Staff and Students Find a Common Ground?" *Education Sciences*, vol. 8, no. 2, p. 70, 2018.
- [5] D. Jenkins, "Global Leadership: Educating Global Leaders through Leadership Studies," *Journal of Leadership Studies*, vol. 6, no. 3, pp. 88-98, 2012.
- [6] T. H. V. Vu and V. M. Nguyen, "Critical thinking-An essential skill for English pedagogical major students: Review and applications," *HCM City Open University Journal of Science-Social Sciences*, vol. 9, no. 2, pp. 45-52, 2019.
- [7] D. Waldeck, L. Pancani, A. Holliman, M. Karekla, and I. Tyndall, "Adaptability and psychological flexibility: Overlapping constructs?" *Journal of Contextual Behavioral Science*, vol. 19, pp. 72-78, 2021.
- [8] J. W. Hur, "Developing Educators' Global Leadership Competencies through Intercultural Immersion Experiences: Theory and Practice," in *Encyclopedia of Strategic Leadership and Management*, IGI Global, 2017, pp. 131-142.
- [9] M. Engberg and K. Fox, "Exploring the Relationship between Undergraduate Service-Learning Experiences and Global Perspective-Taking," *Journal of Student Affairs Research and Practice*, vol. 48, pp. 105-85, 2011.
- [10] D. Schejbal and G. Irvine, "Global Competencies, Liberal Studies, and the Needs of Employers," *Continuing Higher Education Review*, vol. 73, pp. 125-142, 2009.
- [11] M. J. Riemer, "English and communication skills for the global engineer," *Australasian Journal of Engineering Education*, vol. 6, pp. 91-100, 2002.
- [12] T. Anoshkova, "Implementation of Global Competency in Higher Education," *Advanced Education*, vol. 3, pp. 4-8, 2015, doi: 10.20535/2410-8286.43743.
- [13] Central Committee of the Ho Chi Minh Communist Youth Union, "Political Report of the Central Committee of the Ho Chi Minh Communist Youth Union, 11th Tenure," 12th National Congress of the Ho Chi Minh Communist Youth Union, 2022.
- [14] A. Montague, "Vocational and skill shortages in Vietnamese manufacturing and service sectors, and some plausible solutions," *Asia Pacific Journal of Human Resources*, vol. 51, no. 2, pp. 208-227, 2013.
- [15] T. T. Tran, "Limitation on the development of skills in higher education in Vietnam," *Higher Education*, vol. 65, no. 5, pp. 631-644, 2013.

-
- [16] T. T. Q. Truong, "Solutions for soft skill training for students in Vietnam today," *IJRDO - Journal of Educational Research*, vol. 9, no. 3, pp. 1-5, March 2023.
- [17] V. T. Bui, "Multiple challenges facing Vietnamese youth in the context of the ASEAN Community integration today," *American Journal of Applied Psychology*, vol. 9, no. 4, pp. 83-87, July 2020.
- [18] V. T. Nguyen and M. T. Nguyen, "The impact of globalization on culture in Vietnam: Problems and solutions," *NeuroQuantology*, vol. 20, no. 11, p. 5376, 2022.
- [19] H. Ronald and M. Amee, "Guide No. 14: Outcome-based education: Part 1-An introduction to outcome-based education," *Medical teacher*, vol. 21.1, pp. 7-14, 1999.